

KỶ THI TUYỂN SINH ĐH, CĐ CHÍNH QUY NĂM 2009
DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGUYỄN VỌNG 3

TT	SBD	Họ và tên	ĐT	KV	Tổng điểm	Ngành TT
1	CGSA.02736	Nguyễn Đình Lam		2NT	10.00	C77
2	CKCA.12853	Ngô Minh Trí		2NT	11.00	C71
3	CKDA.15029	Võ Văn Thuận		2NT	10.50	C71
4	CESA.10691	Nguyễn Văn Thành		2NT	12.50	C74
5	CM3M.01761	Phan Huỳnh Nguyệt		2NT	13.00	C66
6	CM3M.01666	Lê Thị Duy Ngân		2	10.50	C66
7	CKDA.14317	Lê Thị Ngọc Thảo		2NT	9.50	C74
8	CKCA.01800	Đông Hoàng Duy		1	9.00	C71
9	CCTA.09960	Phan Minh Thuận		2NT	10.50	C71
10	CESA.01949	Nguyễn Thị Thùy Dương		2NT	10.50	C74
11	CCTA.03147	Đỗ Thị Thu Hoa		2NT	10.50	C74
12	CCTA.02497	Nguyễn Thị Ngọc Hân		2	12.00	C74
13	CESA.11786	Trần Thị Thanh Thuyền		2NT	11.50	C74
14	CTSA.13340	Phan Thị Thi		1	10.50	C77
15	CKCA.08475	Lương Văn Phú		2NT	9.50	C71
16	CKDA.09794	Trương Kim Ngọc		1	8.50	C74
17	CESA.10958	Võ Thị Phương Thảo		2	15.00	C74
18	CM3M.03158	Lê Thị Bảo Trân		2NT	14.50	C66
19	CKCA.08789	Bàng Trần Nghĩa Phương		2NT	12.50	C71
20	CCTA.01521	Cao Tiến Dũng		2	11.00	C71
21	CTSA.00714	Nguyễn Tấn Bạc		2NT	16.00	C71
22	CKDA.16696	Huỳnh Thị Mỹ Trang		2NT	12.50	C74
23	CCTA.05585	Trần Thị Kim Lý		2	13.50	C74
24	CESA.13466	Nguyễn Thị Diễm Trinh		2NT	14.00	C74
25	CTTA.02562	Nguyễn Thị Kiều Lam		1	10.50	C74
26	CESA.08665	Nguyễn Thị Oanh		2NT	13.50	C74
27	CDCA.00014	Nguyễn Thị Thúy An		1	11.50	C74
28	CESA.05121	Phan Thị Kim Khoa		2NT	13.50	C74
29	CKDA.09344	Dương Thị Mỹ Ngân		2NT	12.50	C74
30	CKCA.11773	Trần Công Thơm		2NT	13.50	C71
31	SGDA.18310	Nguyễn Thị Hồng Xuyên		2NT	10.50	C74
32	ANSA.01848	Vân Ngọc Xuyên		2NT	14.50	403
33	TTGA.00193	Nguyễn Hữu Bình	06	2	9.00	C71
34	KSAA.03615	Nguyễn Thị Bích Ngọc		2NT	12.00	103
35	CSSC.08127	Võ Thành Luân		2NT	13.00	103
36	SPSC.13109	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		2NT	13.00	103
37	CSSC.06136	Nguyễn Nhứt Đông		2NT	12.00	103
38	ANSC.02059	Huỳnh Thị Kim Dung		2NT	15.00	103
39	GTSA.04964	Châu Thanh Tân		2NT	10.50	C71
40	TTGA.02933	Nguyễn Thị Quyên		1	7.00	C74
41	TTGA.01864	Trần Thị Kim Luyến		2NT	8.50	C74
42	CSSC.07374	Nguyễn Văn Hưởng		1	15.50	103
43	TCTA.23896	Huỳnh Thanh Nhàn		1	11.00	403

TT	SBD	Họ và tên	ĐT	KV	Tổng điểm	Ngành TT
44	TCTA.13562	Nguyễn Thị Xuân Hương		2NT	11.50	403
45	NLSA.11460	Phan Thị Minh Thâu		2NT	12.00	402
46	SGDA.11130	Bàng Trần Nghĩa Phương		2NT	11.50	403
47	TCTA.26660	Trần Văn Phát		1	9.00	C71
48	CSSA.03232	Đoàn Việt Hoàng Tân		2NT	11.50	402
49	TTGA.02283	Phạm Thị Hồng Ngọc		2	11.50	C74
50	TTGA.00644	Võ Ngọc Dương		1	8.00	C71
51	TTGA.03249	Trác Quang Thái		2	11.00	C77
52	TTGA.00374	Đỗ Phú Cường		2NT	8.50	C71
53	BPSC.02520	Nguyễn Văn Trọng	03	1	12.00	103
54	GSA.02561	Nguyễn Thị Tố Quyên		2	12.00	403
55	TTGA.01334	Nguyễn Thị Cẩm Hương		1	12.00	403
56	DTTA.00634	Nguyễn Tấn Bạc		2NT	9.00	C71
57	DTTA.02865	Doãn Kim Hạnh		2	12.00	402
58	TTGA.01876	Nguyễn Tấn Lực		2NT	8.50	C71
59	TCTB.51820	Nguyễn Thị Cẩm Hương		1	11.50	C77
60	TTGA.00141	Nguyễn Thái Bảo		2	9.00	C71
61	MBSA.06363	Huỳnh Thiên Hương		2NT	11.50	403
62	NLSA.08687	Nguyễn Giang Ny		2NT	11.00	103
63	DMSA.07305	Lưu Quốc Tuấn		2NT	11.00	403
64	TTGA.04497	Phan Thị Tươi		2NT	9.00	C74
65	TTGA.00939	Phạm Ngọc Hân		1	9.00	C74
66	TTGA.00564	Nguyễn Anh Duy		2NT	9.00	C71
67	TTGA.04635	Nguyễn Ngô Khắc Kim Vinh		2NT	8.00	C74
68	TTGA.02871	Lê Khắc Trí Quang		2	13.00	403
69	TTGA.01757	Trần Nguyễn Nguyên Linh		2	10.00	C74
70	CSSC.09879	Lê Minh Tâm		2NT	16.50	103
71	CSSA.03410	Lê Châu Việt Thanh		2	12.00	402
72	TTGA.04809	Trần Thị Hoàng Yến		2NT	8.50	C77
73	TTGA.02512	Phạm Thị Tuyết Nhung		2NT	8.50	C74
74	HUIB.36857	Nguyễn Thị Xuân Hương		2NT	10.00	C77
75	TTGA.01700	Châu Thị Ngọc Linh		2NT	10.00	C74
76	KSA.06289	Nguyễn Thị Thảo Nhi		2NT	13.50	402
77	SPSB.09190	Nguyễn Thị Phương Thảo		2NT	10.00	C77
78	TTGA.03614	Lương Hoàng Thuận		2NT	8.00	C71
79	TCTB.61109	Đặng Thị Bích Thuyên		2NT	9.00	C77
80	TTGA.00292	Nguyễn Thị Linh Chi		1	8.00	C77
81	NLSA.13270	Trần Nguyễn Thảo Trang		2NT	12.50	402
82	QSXC.06599	Nguyễn Hùng Vinh		2NT	12.00	103
83	TTGA.04115	Lưu Huỳnh Thị Mông Trinh		2NT	12.00	103
84	NHSA.00398	Trần Quốc Bảo		2NT	9.00	C71
85	LPSC.05530	Trần Trúc Lan		2	14.00	103
86	TTGA.03054	Võ Thị Thu Sương		2NT	8.00	C74
87	QSTA.00927	Hồ Tiến Thịnh		2	13.00	402
88	TCTA.11024	Nguyễn Minh Hiệp		1	10.00	403
89	SPKA.12859	Võ Tấn Vương		2NT	11.00	403
90	TTGA.02690	Nguyễn Minh Phong		2NT	9.00	C71

TT	SBD	Họ và tên	ĐT	KV	Tổng điểm	Ngành TT
91	GTSA.05587	Võ Thành Xuyên		1	8.50	C77
92	TTGA.01254	Trương Nguyễn Nhật Huy		2NT	8.50	C71
93	TTGA.00079	Nguyễn Hoàng Anh		2NT	11.00	C74
94	TTGA.04409	Nguyễn Thanh Tuyền		2	11.50	C74
95	TTGA.04630	Trần Quốc Việt		2NT	12.00	403
96	DTTB.16781	Nguyễn Hoàng Anh		2NT	12.00	C77
97	DTTA.00023	Nguyễn Ngọc Thuý An		2NT	8.00	C74
98	TTGA.01306	Giảng Thị Thúy Huỳnh		2NT	8.50	C74
99	TTGA.00121	Ngô Hoàng Ân	03	2	8.50	C71
100	TTGA.03276	Nguyễn Chí Thành		2NT	11.00	C77
101	TCTB.60074	Lưu Thị Mộng Thảo		2NT	11.00	C77
102	DTTB.18647	Hồ Thị Diễm My		1	10.00	C77
103	TTGA.03426	Lê Thị Hồng Thắm		2	10.50	C74
104	KSAA.13426	Phan Thị Kim Tuyền		2NT	11.50	C74
105	DTTA.10988	Nguyễn Hữu Thọ		2	11.00	C71
106	TTGA.02862	Cao Thị Kim Phương		2NT	8.50	C74
107	SPSA.06003	Võ Thị Trúc Giang		2NT	12.50	103
108	SGDA.17454	Trần Thị Vàng		1	11.00	403
109	TCTA.15015	Nguyễn Thị Cẩm Khuê		2NT	9.50	C74
110	TTGA.02798	Nguyễn Thị Trang Phương		2NT	8.50	C74
111	TTGA.04053	Trần Thị Huyền Trân		2NT	9.50	C74
112	TTGA.03034	Dư Trường Sơn		2	9.00	C74
113	TTGA.03174	Vũ Minh Tân		2	9.00	C71
114	TTGA.03569	Trần Công Thơm		2NT	13.00	403
115	TTGA.01015	Cao Thị Lê Hằng		2NT	8.00	C74
116	SGDA.11690	Lê Văn Quyên		2NT	9.00	C71
117	TTGA.03590	Nguyễn Thị Kim Thu		1	10.00	103
118	TTGA.03342	Ngô Thanh Thảo		1	9.00	C74
119	DTTA.00021	Trần Thị Thúy An		2	11.00	C74
120	TTGA.02702	Nguyễn Hoài Phong		2NT	8.00	C71
121	TTGA.04245	Đặng Thị Thanh Trúc		2NT	10.00	C74
122	TTGA.02809	Trần Nguyễn Tuấn Phương		2NT	12.00	C71
123	QSXB.00826	Nguyễn Thị Kiều Diễm		2NT	10.00	C77
124	TTGA.04057	Lê Thị Thu Trân		2NT	8.50	C74
125	TTGA.04272	Ngô Nguyễn Nhật Trường		2NT	8.50	C71
126	TTGA.02828	Bùi Ngân Phước		2	10.00	C74
127	TTGA.04285	Phan Quốc Trường		2	10.00	C71
128	CSSC.12123	Huỳnh Văn Xê		1	14.50	103
129	TCTB.53799	Cao Thị Phước Lộc		1	8.00	C77
130	TTGA.02725	Nguyễn Bá Phúc		1	7.50	C71
131	TTGA.00457	Huỳnh Văn Diên		1	7.00	C71
132	TTGA.03881	Lê Nguyễn Thanh Toàn		2	10.00	C71
133	TCTA.43819	Nguyễn Ngọc Thiên Vân		1	10.50	403
134	NLSB.29377	Nguyễn Hoài Phong		2NT	10.00	C77
135	TTGA.03726	Trần Thị Thanh Thư		2NT	11.00	C74
136	TCTC.74544	Thái Thị Phương Vân		1	11.50	103
137	KSAA.24979	Nguyễn Văn Tài		2NT	12.50	402

TT	SBD	Họ và tên	ĐT	KV	Tổng điểm	Ngành TT
138	TCTA.24876	Châu Dương Nhiêm		2NT	8.50	C77
139	TTGA.03517	Hồ Thị Kim Thoa		2	9.00	C74
140	TTGA.03271	Nguyễn Hoàng Thái		2	10.50	C74
141	CSSC.08620	Phạm Hữu Nghĩa		1	15.00	103
142	TTGA.02315	Đặng Thị Minh Nguyệt		2	9.50	C77
143	SPSB.09614	Trần Quốc Việt		2NT	10.00	C77
144	NHSA.02667	Ta Ngọc Hương		2	12.50	403
145	MBSA.10308	Nguyễn Thị Kim Ngọc		2NT	10.00	C74
146	DMSA.03083	Phan Thế Linh		2	11.50	C77
147	CSSA.01693	Nguyễn Minh Khiêm		1	15.00	403
148	DTTA.01729	Nguyễn Hồng Duyên		2	14.00	402
149	TTGA.03273	Cao Tân Hoài Thâm		1	7.00	C71
150	TTGA.00495	Nguyễn Thị Thùy Dung		2	10.50	C74
151	TTGA.01873	Lê Thị Lương		2NT	9.00	C74
152	TTGA.01575	Phan Thị Thanh Lan		1	8.00	C74
153	TTGA.00951	Nguyễn Thị Ngọc Hân		1	7.50	C74
154	TTGA.04226	Trần Thị Ngọc Truyền		2	9.50	C77
155	GTSA.03746	Lê Minh Chung		1	13.00	403
156	TTGA.00348	Nguyễn Văn Cửa		1	7.00	C71
157	TTGA.01054	Trần Nguyễn Trung Hiếu		2	10.50	C71
158	KSAA.06081	Phan Tuấn Hưng		2NT	17.50	402
159	TTGA.04801	Lê Thị Kim Yến		2NT	9.00	C74
160	TCTC.73942	Trần Thị Ngọc Trí		1	11.00	103
161	TTGA.00125	Lê Nguyễn Hồng Ân		2NT	11.50	403
162	TTGA.03128	Lê Chí Tâm		2NT	8.50	C77
163	NLSA.15096	Phạm Hữu Vinh		1	11.00	403
164	SPKA.04737	Nguyễn Minh Khương		2NT	10.00	C71
165	TTGA.03091	Nguyễn Văn Tài		2NT	10.00	C77
166	TCTA.34942	Nguyễn Thị Kim Thoa		1	13.00	403
167	GTSA.03802	Lưu Văn Cường		2NT	13.00	403
168	NLSA.06372	Nguyễn Thành Long		2NT	10.00	C71
169	SPDA.04383	Trần Thu Thảo		2NT	9.50	C74
170	SPKA.10287	Dương Nguyễn Thị Cẩm Thùy		2	12.00	103
171	NHSA.01695	Phan Thị Hạnh		2NT	11.50	403
172	TCTA.12516	Nguyễn Quốc Huy		1	9.50	C71
173	TCTA.12107	Phạm Thị Kim Hồng		1	12.00	403
174	HHKA.01880	Phan Võ Kiều Cẩm Thy		2NT	11.00	403
175	LPSA.00665	Nguyễn Trung Hiếu		1	12.00	403
176	SPKA.06653	Tống Viết Nguyên		1	12.00	C71
177	TTGA.04177	Trần Minh Trọng		2NT	9.00	C71
178	KSAA.29685	Nguyễn Minh Nhứt		2NT	14.00	402
179	QSBA.00979	Lê Hoàng Duy		1	13.50	402
180	LPSA.01367	Trần Mỹ Ngọc		2	15.00	402
181	TTGA.02842	Dương Thị Phương		2NT	11.50	103
182	TTGA.02443	Huỳnh Thị Yến Nhi		2NT	9.00	C74
183	LPSC.05766	Nguyễn Thị Thuý Linh		2NT	13.00	103
184	TTGA.04799	Nguyễn Thị Bảo Yến		1	8.00	C74

TT	SBD	Họ và tên	ĐT	KV	Tổng điểm	Ngành TT
185	TTGA.00128	Ngô Thái Ân		2NT	8.00	C77
186	QSBA.04511	Nguyễn Ngọc Ngữ		1	12.00	402
187	TCTA.27723	Trần Kim Phụng		2NT	14.00	402
188	QSBA.07294	Trần Nguyễn Quế Trân		2NT	18.00	402
189	TCTA.27826	Đoàn Võ Hoài Phương		2NT	12.50	403
190	SPSA.02878	Nguyễn Minh Kha		2NT	13.50	403
191	SPDA.01614	A Thi Phương Hồng		2NT	9.00	C77
192	SPKA.11827	Trương Minh Tuấn		2NT	13.00	403
193	TTGA.03743	Nguyễn Thị Hà Thư		2NT	12.00	403
194	TAGA.04414	Trần Lâm Pháp		2NT	11.50	403
195	KSAA.26155	Mai Lê Thùy Ngân		2NT	15.00	402
196	DTTA.06750	Nguyễn Thị Thúy Ngân		2	12.00	103
197	G TSA.08004	Hà Quốc Nhân		1	14.50	402
198	YDSB.02359	Nguyễn Minh Phi		2	12.00	C77
199	TTGA.00896	Võ Thị Ngọc Hạnh		1	7.50	C74
200	KSAA.00176	Lê Thị Tuyết Hằng		1	14.00	402
201	TCTA.06924	Phạm Tấn Đạt		1	11.00	403
202	KSAA.07284	Đỗ Thị Minh Thư		2	12.50	402
203	TCTA.09929	Trương Thị Ngọc Hân		1	11.50	403
204	SGDA.15744	Nguyễn Thị Thùy Trang		1	10.50	402
205	DTTA.02436	Lê Thị Gấm		2NT	13.50	103
206	TAGA.04123	Trần Thị Bé Nho		2NT	8.00	C74
207	TCTA.43220	Huỳnh Thị Tươi		1	9.00	C77
208	CSSA.04479	Dương Quốc Việt		2NT	14.50	402
209	TAGA.00033	Đình Bảo An		2NT	11.50	403
210	TTGA.00543	Phan Thanh Duy		2NT	8.50	C74
211	TTGA.01203	Phan Thị Thu Hồng		2NT	8.00	C77
212	KSAA.03710	Đào Thị Thùy Mơ		2NT	13.50	402
213	HUIB.45434	Nguyễn Văn Tiên		2NT	11.50	C77
214	TTGA.03849	Nguyễn Văn Tiên		2NT	12.00	C77